

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1- B
TỈNH B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Đ - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2026/HSST

Ngày: 31 - 3 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- B, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Cao Thị Hồng M

2. Bà Tạ Thị Mùa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- B, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- B tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị T1 T - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 54/2026/TLST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2026/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Vũ Thanh T1**; Tên gọi khác: Không có tên gọi khác.

Sinh ngày: 14/02/1986, tại tỉnh B.

Căn cước công dân số: 011086006256; Cấp ngày: 27/7/2022; Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH - Bộ công an;

Nơi cư trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ 5, phường T1 (nay là phường Đ), tỉnh B.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12 phổ thông; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vũ Như C (Đã chết) và con bà: Trần Thị M T; Vợ, con: chưa có vợ con; Tiền án; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 22/11/2002 bị Công an thị xã Đ, tỉnh Lai Châu xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: Gây rối trật tự công cộng. Hình thức phạt tiền. Ngày 01/9/2003 bị Công an thị xã Đ, tỉnh Lai Châu xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: Sử dụng trái phép chất ma Ty. Hình thức phạt tiền. Ngày 13/01/2010 bị phòng CSĐT tội phạm về ma Ty, Công an tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: Tàng trữ trái phép chất ma Ty. Hình thức phạt

tiền; Bị cáo đã chấp hành xong các quyết định trên, cho đến lần phạm tội này được coi như chưa bị xử phạt hành chính. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 30/7/2025, sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử (Có mặt).

2. Họ và tên: **Nguyễn Thanh T**; Tên gọi khác: Không có tên gọi khác;

Sinh ngày: 03/7/1991, tại tỉnh B.

Căn cước công dân số: 011091000566; Cấp ngày: 09/4/2021; Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH - Bộ công an;

Nơi cư trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ 1, phường N (Nay là phường M), tỉnh B.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12 phổ thông; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Hữu S và con bà: Nguyễn Thị H; Vợ: Bạc Thị H1; Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2023. Tiền án; Tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa bị Tòa án nào xét xử và chưa bị cơ quan có thẩm quyền nào xử lý vi phạm hành chính. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 30/7/2025, sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử (Có mặt).

3. Họ và tên: **Nguyễn Liên T1**; Tên gọi khác: Không có tên gọi khác;

Sinh ngày: 05/10/1996, tại tỉnh B.

Căn cước công dân số: 01109600229; Cấp ngày: 24/4/2021; Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH - Bộ công an;

Nơi cư trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ 19, phường H (Nay là phường Đ), tỉnh B.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12 phổ thông; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn M và con bà: Trần Thị H; Vợ, con: Chưa có. Tiền án; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị Tòa án nào xét xử, chưa bị cơ quan có thẩm quyền nào xử lý vi phạm hành chính. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 30/7/2025, sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử (Có mặt).

4. Họ và tên: **Đặng Thanh L**; Tên gọi khác: Không có tên gọi khác.

Sinh ngày: 11/02/1999, tại tỉnh B.

Căn cước công dân số: 011099001906; Cấp ngày: 09/5/2024; Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH - Bộ công an;

Nơi cư trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ 5, phường H (Nay là phường Đ), tỉnh B.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12 phổ thông; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đặng L (Đã chết) và con bà: Phạm Thị Lan O; Vợ: Đinh Thị M; Con: có 01

người con, sinh năm 2022; Tiền án; Tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 15/01/2015 bị Công an thành phố Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản, hình thức cảnh cáo, cho đến lần phạm tội này được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 30/7/2025, sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử (Có mặt).

5. Họ và tên: **Hà Văn B2**; Tên gọi khác: Không có tên gọi khác;

Sinh ngày: 02/6/1980, tại tỉnh B.

Căn cước công dân số: 034080013052; Cấp ngày: 19/12/2022; Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH - Bộ công an;

Nơi thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản Ten A, phường M, tỉnh B.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12 phổ thông; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hà Văn T và con bà: Trần Thị L; Vợ: Vũ Thị P; Con: Bị cáo có 01 người con, sinh năm 2007; Tiền án; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 12/9/2009, bị công an huyện B xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc”, bằng hình thức phạt tiền, theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 95, bị cáo đã chấp hành xong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, cho đến lần phạm tội này, được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Ngày 20/5/2016 bị Tòa án nhân dân huyện B (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 2), tỉnh B xét xử và xử phạt 36 tháng tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, ngày 18/5/2020 bị Tòa án nhân dân huyện B (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 2), tỉnh B xét xử và xử phạt 01 năm tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, ngày 28/10/2021 bị Tòa án nhân dân huyện B (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 2), tỉnh B xét xử 02 năm tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, ngày 07/6/2023 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù của Bản án này. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ các Bản án trên, đến lần phạm tội này, đương nhiên được xóa án tích. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 18/12/2025, sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Đức H; Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, tỉnh B (Vắng mặt, có lý do).

+ Anh Hà Văn T; Địa chỉ: Tổ dân phố 5, phường T1 (Nay là phường Đ), tỉnh B (Vắng mặt có lý do)

+ Chị Trần Đ; Địa chỉ: Tổ 4, phường M (Nay là phường Đ), tỉnh B (Vắng mặt, không có lý do).

+ Anh Nguyễn Văn M; Địa chỉ: Tổ 19, phường H (Nay là phường Đ), tỉnh B (Có mặt).

+ Anh Hà Văn S; Địa chỉ: Bản Ten A, phường M, tỉnh B (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/7/2025 Vũ T1 thuê phòng 501, nhà nghỉ H 1 thuộc tổ 4, phường Đ, tỉnh B mục đích để sử dụng ma túy, khoảng 01 giờ sáng ngày 27/7/2025, B1 đi bộ đến khu vực cổng trường trung học phổ thông M, thuộc tổ 1, phường Đ gặp và hỏi mua được 2.100.000 đồng ma túy, loại Methamphetamine của người đàn ông không quen biết mang về phòng 501, nhà nghỉ H 1, B1 lấy một ít Methamphetamine ra, dùng ống điều tự chế bằng chai nhựa, mảnh giấy bạc, bật lửa của B1 chuẩn bị từ trước sử dụng bằng cách đốt, hút (B1 không kiểm tra nên không biết số lượng ma Ty mua được là bao nhiêu và số ma Ty sử dụng).

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 27/7/2025, Nguyễn Thanh T gọi điện cho Vũ Thanh B1 hỏi B1 đang ở đâu, B1 nói đang ở phòng 501 nhà nghỉ H 1, T nói để lúc nữa T ra. Khoảng 30 phút sau T đến phòng 501, nhà nghỉ H 1, Vũ Thanh T1 đã lấy số Methamphetamine mua trước đó, dùng ống điều tự chế, bật lửa đốt cho T sử dụng, B1 và T đã cùng nhau sử dụng nhiều lần hết số Methamphetamine trên, nhưng cả hai đều không biết số lượng ma Ty, không nhớ số lần sử dụng, đến khoảng 18 giờ cùng ngày T đi về.

Khoảng 20 giờ ngày 29/7/2025, Nguyễn Thanh T đến phòng 501 nhà nghỉ H 1, tại đây T chuyển khoản cho Vũ Thanh T1 500.000 đồng, B1 góp 500.000 đồng, sau đó Vũ Thanh T1 nhắn tin qua ứng dụng zalo cho Hà Văn B2 đặt mua 14 viên Methamphetamine. Khoảng 21 giờ cùng ngày Vũ Thanh T1 mượn xe của Đặng Thanh L rồi B1 cùng T đi đến khu vực cổng trường dân tộc nội trú huyện B (cũ) thuộc tổ 16, phường M, tỉnh B, T đứng chờ cách B1 khoảng 05 mét còn Vũ Thanh T1 gặp và mua của Hà Văn B2 được 01 gói ma túy có đặc điểm bên ngoài được cuốn bằng băng dính màu đen, tiếp đến là nilon màu trắng, bên trong chứa 14 viên Methamphetamine với giá 1.000.000 đồng (T không biết Vũ Thanh B1 trao đổi mua ma túy), sau khi mua được Methamphetamine, Vũ T1 và T mang về phòng 501 nhà nghỉ H 1, B1 mở gói Methamphetamine vừa mua được lấy một ít ra cùng T dùng ống điều tự chế, bật lửa sử dụng bằng cách đốt, hút, B1 và T không biết số lượng ma Ty sử dụng là bao nhiêu.

Khoảng gần 22 giờ cùng ngày, Hà Văn T liên lạc qua ứng dụng Messenger Facebook cho Nguyễn Liên T1 đề nhờ T1 mua giúp 10 viên hồng phiến để T sử dụng, T chuyển cho T1 1.400.000 đồng, đến khoảng 22 giờ 05 phút ngày 29/7/2025 Nguyễn Liên T1 nhắn tin, gọi điện qua ứng dụng Zalo cho Vũ Thanh T1 đặt mua 14 viên Methamphetamine, T1 chuyển số tiền 1.400.000 đồng đến tài khoản ngân hàng MB Bank của B1. Sau đó T1 điều khiển xe gắn máy biển kiểm soát 27AA-104.65 đến phòng 501 nhà nghỉ H 1, thấy trong phòng có Vũ T1 và T. Vũ T1 lấy 07 viên Methamphetamine đưa cho T1 và bảo T1 cầm trước, T1 lấy 07 viên Methamphetamine rồi tự lấy ống điều tự chế, giấy bạc, bật lửa rồi sử dụng hết 04 viên, 03 viên Methamphetamine còn lại T1 cầm trên tay trái điều khiển xe gắn máy biển kiểm soát 27AA-104.65 mang đến khu vực gần cổng Bưu Điện tỉnh, thuộc tổ 4, phường Đ, tỉnh B để đưa cho T. Khoảng gần 23 giờ cùng ngày T1

quay lại phòng 501 nhà nghỉ H 1.

Khoảng 00 giờ ngày 30/7/2025 Vũ T1 liên hệ qua ứng dụng Zalo với Hà B2 hỏi mua thêm 20 viên Methamphetamine với giá 1.400.000 đồng, Vũ T1 nói sẽ trả 900.000 đồng tiền mặt, 500.000 đồng qua tài khoản game. Qua trao đổi Hà B2 hẹn Vũ T1 đi đến ghế đá gần nhà Hà B2 để lấy ma Ty và nhờ Vũ T1 mua hộ một bát phở. Vũ T1 rủ T1 đi cùng đến quán ăn đêm, T1 vào mua phở còn Vũ T1 sang cây ATM gần đó rút số tiền 900.000 đồng, sau khi mua phở xong Vũ T1 bảo T1 chở xuống C4 để lấy trả nốt 07 viên hồng phiến (Methamphetamine) cho T1, T1 chở B1 đến gần cây xăng C4, thuộc bản Ten A, phường M, tỉnh B, T1 đứng cách khoảng 10 mét chờ còn Vũ T1 một mình cầm bát phở và số tiền 900.000 đồng đến gần ghế đá trên vỉa hè thì thấy trên mặt ghế đá có 01 gói được gói bên ngoài bằng băng dính màu đen, tiếp đến là lớp nilon màu trắng bên trong có chứa 20 viên Methamphetamine của Hà B2 để sẵn ở đó, Vũ T1 cầm gói Methamphetamine trên ra chỗ T1 đứng đợi rồi T1 chở B1 về phòng 501 nhà nghỉ H 1. Khi thấy Vũ T1 đi khỏi Hà B2 ra ghế đá lấy tiền và bát phở đi về nhà.

Sau khi mua được Methamphetamine về đến phòng 501, Vũ T1 lấy 07 viên trong gói Methamphetamine vừa mua được đưa cho T1, T1 cầm 07 viên Methamphetamine điều khiển xe gắn máy biển kiểm soát 27AA-104.65 mang đến khu vực gần Bưu Điện tỉnh B đưa cho Hà Văn T, lúc này trong phòng Vũ T1 và T1 tiếp tục sử dụng Methamphetamine bằng cách đốt, hút. Sau khi đưa ma Ty cho T xong T1 quay lại phòng 501 nhà nghỉ H 1 để sử dụng Methamphetamine với Vũ T1 và T.

Khoảng hơn 06 giờ cùng ngày 30/7/2025, Vũ T1 nhờ Đặng L mua hộ 03 hộp xôi, L đồng ý. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, L điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 27B2 – 348.63 mang xôi đến phòng 501, L nhìn thấy trong mảnh giấy bạc còn một ít hồng phiến đã cháy dở đang để trên giường nên đã tự dùng điều tự chế, bật lửa sử dụng số hồng phiến trên. Lúc này Nguyễn Đức H, trú tại thôn Đ, xã N, tỉnh B nhắn tin đòi lại số tiền trước đây H đã chuyển cho Vũ T1 để B1 mua ma Ty cho H cùng sử dụng, Vũ T1 nhắn tin hẹn H đến phòng 501 nhà nghỉ H 1 để đưa cho H 05 viên Methamphetamine. Vũ T1 lấy 05 viên Methamphetamine, dùng mảnh nilon màu trắng gói lại, bật lửa ga hàn kín rồi ngồi ăn xôi, khi H thông báo đã đến cửa nhà nghỉ H 1 thì Vũ T1 đưa gói nilon màu trắng chứa 05 viên Methamphetamine cho T1 cầm xuống đưa cho người đàn ông tên H (T1 không quen biết H), T1 đồng ý cầm đi ra khỏi phòng. Trong phòng 501 lúc này có Vũ T1, T, L, B1 chỉ vào nắp nhựa màu xanh bên trong có chứa 01 viên Methamphetamine đang để trên giường cạnh chỗ L ngồi bảo cho L để L sử dụng, L đồng ý nhận để mang về sử dụng. Hồi 07 giờ 50 phút cùng ngày khi T1 cầm gói Methamphetamine xuống đưa cho H thì bị tổ công tác Công an phường Đ làm nhiệm vụ kiểm tra lưu trú tại nhà nghỉ H 1, thuộc tổ 4, phường Đ (trước là phường M) bắt quả tang thu giữ gói Methamphetamine mà B1 đưa cho T1 mang xuống cho H. T1 đưa tổ công tác lên phòng 501 nhà nghỉ H 1, phát hiện, thu giữ trên mặt đệm giường ngủ 01 viên Methamphetamine có khối lượng 0,1 gam để trong nắp chai nhựa màu xanh của L và 01 viên Methamphetamine có khối lượng 0,08 gam

của Vũ T1, mục đích để cùng sử dụng.

Quá trình điều tra xác định: Nguồn gốc số Methamphetamine Hà B2 bán cho Vũ T1 là Hà T1 mua của một người đàn ông không quen biết ở bản Xôm, xã T1 An, tỉnh B vào ngày 28/7/2025 được 40 viên với giá 2.000.000 đồng, B1 đã sử dụng hết 06 viên, số còn lại 34 viên B1 bán cho Vũ T1.

Tại biên bản làm việc về nội dung mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định chất ma túy; niêm phong mẫu giám định và niêm phong vật chứng, đồ vật, tài liệu còn lại hồi 20 giờ 40 phút, ngày 30/7/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B và kết luận giám định số 770/KL-KLHS ngày 06/8/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh B kết luận: Mẫu các viên nén màu hồng gửi giám định là: Ma Ty, loại: Methamphetamine. Vật chứng gửi giám định ký hiệu M1, có khối lượng: 0,08 gam, ký hiệu M2, khối lượng: 0,1 gam; ký hiệu M3, có khối lượng: 0,51 gam.

Đối với 34 viên Methamphetamine Hà B2 đã bán cho Vũ T1 vào các ngày 29, 30/7/2025. Tại văn bản số 04 ngày 21/01/2026 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B trả lời: Qua rà soát, tập hợp các vụ việc mà phòng kỹ thuật hình sự tiếp nhận và giám định liên quan đến loại ma Ty tổng hợp, dạng viên hồng phiến có đặc điểm hình tròn, màu hồng, một mặt có chữ WY trong các vụ án xảy ra trên địa bàn tỉnh B có khối lượng giao động từ khoảng 0,09 gam đến 0,11 gam, từ đó xác định mức tối thiểu 34 viên ma Ty (Methamphetamine) mà Hà B2 bán cho Vũ T1 có khối lượng khoảng 3,06 gam; Khối lượng 14 viên ma Ty (Methamphetamine) của Vũ T1 bán cho Nguyễn Liên T1 khoảng 1,26 gam.

Tại bản cáo trạng số: 53/CT-VKSKV1 ngày 24/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- B đã truy tố các bị cáo: Vũ T1 về tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma Ty, quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255, tội Mua bán trái phép chất ma Ty, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251, Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Hà B2 về tội: Mua bán trái phép chất ma Ty, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự sửa năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Nguyễn Liên T1 về tội: Mua bán trái phép chất ma Ty, quy định tại khoản 1 Điều 251, tội Vận chuyển trái phép chất ma Ty, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 250, Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Nguyễn T1 T về tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma Ty, theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; Đặng L về tội: Tàng trữ trái phép chất ma Ty, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- B giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Vũ T1 về tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma Ty và Tội Mua bán trái phép chất ma Ty; Hà B2 về tội: Mua bán trái phép chất ma Ty; Nguyễn Liên T1 về tội: Mua bán trái phép chất ma Ty và tội Vận chuyển trái phép chất ma Ty; Nguyễn T1 T về tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma Ty; Đặng L về tội: Tàng trữ trái phép chất ma Ty;

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Đối với Vũ T1: Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 55, Điều 38/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, xử phạt bị cáo Vũ T1 08 năm 03 tháng tù đến 08 năm 05 tháng về tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, 07 năm 09 tháng tù đến 08 năm tù, về Tội: Mua bán trái phép chất ma túy, tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội, buộc bị cáo pH chất hành từ 16 năm đến 16 năm 05 tháng tù;

Đối với Nguyễn Liên T1: Áp dụng: khoản 1 Điều 251, điểm c khoản 1 Điều 250, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 17, Điều 38/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, xử phạt bị cáo Nguyễn Liên T1 03 năm 02 tháng tù đến 03 năm 05 tháng về tội: Mua bán trái phép chất ma túy, 03 năm 03 tháng tù đến 03 năm 05 tháng tù về tội: Vận chuyển trái phép chất ma túy, tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội, buộc bị cáo pH chất hành từ 06 năm 05 tháng đến 06 năm 10 tháng tù;

Đối với Nguyễn T1 T: Áp dụng khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, xử phạt bị cáo Nguyễn T1 T từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù;

Đối với Đặng L: Áp dụng khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, xử phạt bị cáo Đặng L từ 03 năm đến 03 năm 02 tháng tù;

Đối với Hà T1: Áp dụng: điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, xử phạt bị cáo Hà B2 từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo;

Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47/BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, khoản 2, khoản 3 Điều 106/BLTTHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Tịch thu tiêu hủy: 0,52 gam Methamphetamine (Vật chứng còn lại sau giám định), 01 nắp chai nhựa màu xanh; 01 ống điều tự chế bằng chai nhựa có ống hút; 02 bật lửa ga màu đỏ nhãn hiệu THONGNHAT; 02 mảnh giấy bạc có vết cháy xém; 01 mảnh nilon màu xanh, 02 mảnh nilon màu hồng; 02 Ti nilon loại có mép dính; 03 sim điện thoại.

Tịch thu sung ngân sách: 01 điện thoại iPhone Xs của Vũ T1, 01 điện thoại iPhone X của Nguyễn Liên T1, 01 điện thoại iPhone 15 Pro Max của Nguyễn T1 T;

Trả lại cho: Đặng L: 01 điện thoại Xiaomi màu đen kèm 01 sim và 01 xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE α biển kiểm soát 27B2-348.63 kèm chìa khóa.

Về dân sự: Đương sự không yêu cầu, nên không đặt vấn đề giải quyết.

Tại phiên tòa các bị cáo Vũ T1, Hà B2, Nguyễn Liên T1, Nguyễn T1 T, Đặng L, không có lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- B.

Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của các bị cáo bị truy tố: Trong các ngày 27, 29, 30/7/2025 tại phòng 501 nhà nghỉ H 1 thuộc tổ 4, phường Đ, tỉnh B, Vũ T1 có hành vi nhiều lần cung cấp trái phép chất ma túy, chuẩn bị dụng cụ, phương tiện để đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể nhiều người. Trong đó, Nguyễn T1 T đã có 01 lần góp tiền cùng Vũ T1 mua ma túy và cùng B1 sử dụng trái phép chất ma túy. Vũ T1 bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Liên T1, Nguyễn Đức H mục đích để kiếm lãi. Hà B2 nhiều lần có hành vi bán trái phép ma túy cho Vũ T1 vào ngày 29/7/2025 và ngày 30/7/2025, mục đích để kiếm lãi, Nguyễn Liên T1 đã có hành vi bán trái phép ma túy cho Hà Văn T mục đích để kiếm lãi; Ngoài ra, vào ngày 30/7/2025 tại Nhà nghỉ H 1, thuộc tổ 4, phường Đ, Nguyễn Liên T1 còn giúp Vũ T1 vận chuyển trái phép 0,51 gam Methamphetamine cho Nguyễn Đức H, Đặng L có hành vi cất giấu trái phép 0,1 gam Methamphetamine mục đích để sử dụng.

Tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 08 giờ 00 phút ngày 30/7/2025, Biên bản lấy lời khai của các bị cáo, người liên quan, các tài liệu dữ liệu điện tử có trong hồ sơ vụ án, biên bản niêm phong vật chứng hồi 20 giờ 40 phút, ngày 30/7/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B và kết luận giám định số 770/KL-KLHS ngày 06/8/2025 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B.

Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Hành vi nhiều lần cung cấp trái phép chất ma túy, chuẩn bị dụng cụ, phương tiện để đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể nhiều người, trong các ngày 27, 29, 30/7/2025 tại phòng 501 nhà nghỉ H 1 thuộc tổ 4, phường Đ, tỉnh B của Vũ T1, đồng thời nhiều lần mua bán ma túy với mục đích để bán cho Nguyễn Liên T1, Nguyễn Đức H và bản thân sử dụng, là phạm tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 và Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251, Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Hành vi góp 500.000 đồng của Nguyễn T1 T và cùng Vũ T1 đi mua ma túy và cùng B1, T1 sử dụng trái phép chất ma túy, là phạm tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Hành vi mua ma túy của Vũ T1 với mục đích để bán và sử dụng, hành vi giúp Vũ T1 vận chuyển trái phép 0,51 gam Methamphetamine, của Nguyễn Liên T1, là phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại khoản 1 Điều 251 và Tội Vận chuyển trái phép chất ma túy, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 250, Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Hành vi nhận 01 viên ma túy mà Vũ T1 cho, để mang về sử dụng của Đặng L là phạm tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Hành vi nhiều lần bán ma túy của Hà T1 cho Vũ B2, là phạm tội: Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, các bị cáo Vũ T1, Hà B2, Nguyễn Liên T1, Nguyễn T1 T, Đặng L phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51/BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Riêng bị cáo Hà B2 ngày 18/12/2025 đã ra đầu thú về hành vi vi phạm pháp luật, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Các Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52/BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Về Nhân thân: Các bị cáo: Nguyễn Liên T1, Nguyễn T1 T, chưa bị cơ quan nào xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị Tòa án nào xét xử. Các bị cáo Hà B2, Vũ T1, Đặng L là người có nhân thân xấu. Đối với bị cáo Hà B2: Ngày 12/9/2009, bị công an huyện B xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc”, bằng hình thức phạt tiền, theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 95, bị cáo đã chấp hành xong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, cho đến lần phạm tội này, được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Ngày 20/5/2016 bị Tòa án nhân dân huyện B (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 2), tỉnh B xét xử và xử phạt 36 tháng tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma Ty, ngày 18/5/2020 bị Tòa án nhân dân huyện B (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 2), tỉnh B xét xử và xử phạt 01 năm tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma Ty, ngày 28/10/2021 bị Tòa án nhân dân huyện B (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 2), tỉnh B xét xử 02 năm tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma Ty, ngày 07/6/2023 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù của Bản án này. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ các Bản án trên, đến lần phạm tội này, đương nhiên được xóa án tích. Đối với bị cáo Vũ T1: đã 03 lần bị xử phạt vi phạm hành chính: Ngày 22/11/2002 bị Công an thị xã Đ, tỉnh Lai Châu xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: Gây rối trật tự công cộng. Hình thức phạt tiền. Ngày 01/9/2003 bị Công an thị xã Đ, tỉnh Lai Châu xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: Sử dụng trái phép chất ma túy. Hình thức phạt tiền. Ngày 13/01/2010 bị phòng CSĐT tội phạm về ma Ty, Công an tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính về hành vi: Tàng trữ trái phép chất ma Ty. Hình thức phạt tiền; Bị cáo đã chấp hành xong các quyết định trên, cho đến lần phạm tội này được coi như chưa bị xử phạt hành chính. Bị cáo Đặng L: Ngày 15/01/2015 bị Công an thành phố Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản, hình thức cảnh cáo, cho

đến lần phạm tội này, bị cáo được con là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Hành vi của các bị cáo là nghiêm trọng và rất nghiêm trọng, đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo là hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài, để các bị cáo có điều kiện cai nghiện, đồng thời để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

Trong quá trình cùng nhau thực hiện tội phạm, các bị cáo Vũ T1, Nguyễn T1 T, Nguyễn Liên T1 khi thực hiện hành vi phạm tội không có sự câu kết chặt chẽ, không phân công vai trò trách nhiệm cụ thể nên các bị cáo phạm tội không có tổ chức. Bị cáo Vũ T1 là người khởi sự và là người trực tiếp mua bán ma túy, nên là người có vai trò chính.

[2]. Từ những phân tích trên khẳng định: Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- B truy tố các bị cáo Vũ T1 về tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255, tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251, Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Hà B2 về tội: Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Nguyễn Liên T1 về tội: Mua bán trái phép chất ma Ty, quy định tại khoản 1 Điều 251, tội Vận chuyển trái phép chất ma túy, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 250, Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025. Nguyễn T1 T về tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma Ty, theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; Đặng L về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, là đúng người, đúng tội.

Các Bị cáo là người sử dụng ma túy, nhận thức rõ hành vi cất giấu trái phép chất ma túy để sử dụng, mua bán và tổ chức sử dụng ma túy, vận chuyển trái phép chất ma túy, là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, căn cứ vào nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thì mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo Vũ T1, Nguyễn Liên T1, Nguyễn T1 T, Đặng L là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Riêng bị cáo Hà B2 là chưa phù hợp, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh B, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- B, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249, khoản 5 Điều 250, khoản 6 Điều 251, khoản 5 Điều 255/BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, thì ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình

phạt bổ sung là phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy, các bị cáo đều là lao động tự do, không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5]. Vật chứng: Đối với: 0,52 gam Methamphetamine (Vật chứng còn lại sau giám định), là vật nhà nước cấm tàng trữ, 01 nắp chai nhựa màu xanh; 01 ống điều tự chế bằng chai nhựa có ống hút; 02 bát lửa ga màu đỏ nhãn hiệu THONGNHAT; 02 mảnh giấy bạc có vết cháy xém; 01 mảnh nilon màu xanh, 02 mảnh nilon màu hồng; 02 Ti nilon loại có mép dính, 03 sim điện thoại, là vật không còn giá trị, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với: 01 điện thoại iPhone Xs của Vũ T1, 01 điện thoại iPhone X của Nguyễn Liên T1, 01 điện thoại iPhone 15 Pro Max của Nguyễn T1 T, các bị cáo dùng làm công cụ phạm tội, cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với: 01 điện thoại Xiaomi màu đen kèm 01 sim và 01 xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE α biển kiểm soát 27B2-348.63 kèm chìa khóa, thu giữ của bị cáo Đặng L, quá trình điều tra và tại phiên tòa có đủ căn cứ xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên cần trả lại cho bị cáo.

Đối với: 01 xe máy nhãn hiệu HONDA VISION biển kiểm soát 27AA-104.65 kèm chìa khóa Nguyễn Liên T1 mượn của ông Nguyễn Văn M, 01 xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE ALPHA biển kiểm soát 27AN-030.09 kèm chìa khóa, Hà B2 mượn của anh Hà Văn S, ông M và anh S không biết các bị cáo dùng vào việc phạm tội, cơ quan điều tra đã trả lại cho các chủ sở hữu, sau khi nhận lại tài sản, không ai có khiếu nại gì. Xét việc trao trả này là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Số tiền 2.400.000 đồng do bị cáo Hà B2 phạm tội mà có, nên cần truy số tiền này.

Về dân sự: Đối với số tiền thuê phòng 501 nhà nghỉ H 1, bà Trần Đ không yêu cầu B1 trả; 1.400.000 đồng Hà Văn T chuyển cho Nguyễn Liên T1, T không yêu cầu T1 trả, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6]. Các vấn đề khác:

Hành vi sử dụng trái phép chất ma Ty của Vũ T1, Nguyễn T1 T, Nguyễn Liên T1, Đặng L, Hà B2, sau khi bị bắt Cơ quan điều tra đã tiến hành test nhanh chất ma Ty trong cơ thể cho kết quả dương tính, tuy nhiên quá trình điều tra xác định các bị cáo chưa từng áp dụng cai nghiện ma Ty tự nguyện, bắt buộc, hay điều trị nghiện các chất ma Ty bằng thuốc thay thế theo quy định của Luật phòng chống ma Ty nên cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xử lý các bị can trên về tội: Sử dụng trái phép chất ma túy, quy định tại Điều 256a Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành, hình thức cảnh cáo đối với Vũ T1, Nguyễn Liên T1, Đặng L và Hà B2.

Nguyễn Đức H sau khi cơ quan điều tra bắt quả tang các bị cáo trên đã tiến hành làm việc, qua test nhanh H âm tính với ma túy, H không thừa nhận việc đến nhà nghỉ H 1 để mua ma Ty của Vũ T1, trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra không làm rõ được, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Hà Văn T trong quá trình điều tra, không thừa nhận việc trao đổi mua ma Ty của Nguyễn Liên T1, trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra không làm rõ được, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Người đàn ông bán trái phép Methamphetamine cho Vũ T1 vào ngày 27/7/2025, do không xác định được tên, tuổi, địa chỉ nên không có cơ sở để điều tra làm rõ.

Đối với bà Trần Đ chủ nhà nghỉ H 1 không biết việc các bị can phạm tội nên không đề cập vấn đề xử lý.

[7]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, mỗi bị cáo pH chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251, điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 55, Điều 17, Điều 58/BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

- Tuyên bố bị cáo Vũ T1 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và tội: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

- Xử phạt bị cáo Vũ T1 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy" và 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội: "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Tổng hợp chung cho cả 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành là: 16 (Mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 30/7/2025).

2. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 250, khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 55, Điều 17, Điều 58/BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Liên T1 phạm tội: "Vận chuyển trái phép chất ma túy" và tội: "Mua bán trái phép chất ma túy".

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Liên T1 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" và 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù về tội: "Mua bán trái phép chất ma túy". Tổng hợp chung cho cả 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành là: 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 30/7/2025).

3. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58/BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn T1 T phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn T1 T 03 (Ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 30/7/2025).

4. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38/BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

- Tuyên bố bị cáo Đặng L phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy"

- Xử phạt bị cáo Đặng L 03 (Ba) năm 02 (Hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 30/7/2025).

5. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38/BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

- Tuyên bố bị cáo Hà B2 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

- Xử phạt bị cáo Hà B2 09 (Chín) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 18/12/2025).

6. Vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106/BLTTHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025: Tịch thu tiêu hủy: 0,52 gam Methamphetamine (Vật chứng còn lại sau giám định), 01 nắp chai nhựa màu xanh; 01 ống điều tự chế bằng chai nhựa có ống hút; 02 bật lửa ga màu đỏ nhãn hiệu THONGNHAT; 02 mảnh giấy bạc có vết cháy xém; 01 mảnh nilon màu xanh, 02 mảnh nilon màu hồng; 02 Ti nilon loại có mép dính; 03 sim điện thoại số: 0819609169, 0942946222, 0394495982.

Tịch thu sung ngân sách: 01 điện thoại nhãn hiệu APPLE, iPhone Xs, màu đen; 01 điện thoại nhãn hiệu APPLE iPhone X màu đen; 01 điện thoại nhãn hiệu APPLE iPhone 15 Pro Max, màu bạc.

Trả lại cho bị cáo Đặng L: 01 điện thoại Xiaomi, loại POCO C65 màu đen kèm 01 sim điện thoại số: 0325330924 và 01 xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE α biển kiểm soát 27B2-348.63 kèm chìa khóa xe.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/01/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh B và phòng Thi hành án dân sự khu vực 1- B).

Truy thu đối với bị cáo Hà B2 số tiền 2.400.000 đồng (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Về dân sự: Không yêu cầu, nên Hội đồng không đặt vấn đề xem xét.

7. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí tòa án, bị cáo Vũ T1, Hà B2, Nguyễn Liên T1, Nguyễn T1 T, Đặng L, mỗi bị cáo pH chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

8. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333/BLTTHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 31/3/2026). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 31/3/2026). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người CQLNVLQ;
- VKSND khu vực 1- B;
- VKSND tỉnh DB;
- Cơ quan điều tra, Công an tỉnh DB;
- Phòng CSTHAHS và HTTP;
- Công an tỉnh DB;
- Phòng HSNV, Công an tỉnh DB;
- Phân trại tạm giam M;
- Trại tạm giam Công an tỉnh B;
- Trại tạm giam Công an tỉnh B;
- Thi hành án dân sự tỉnh B;
- TAND tỉnh B;
- HS THA Hình sự;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thúy Thành

